

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 100/2025/ĐSST
Ngày 29-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Định Ngọc Tân;

Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 92/CV-VKS ngày 11/9/2025 về việc không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105A/2025/QĐST-DS ngày 26/08/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P (tên viết tắt: O).

Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiệu Ánh D – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ và ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Trưởng phòng pháp lý và quản lý tài sản; Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Hoàng Công Đ, sinh năm 1986 - Chuyên viên chính phòng xử lý nợ, địa chỉ: D N, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh). (ông Đ có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh) (Ông A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc và tại Tòa án, Ngân hàng thương mại cổ phần P, do người đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần P (tên viết tắt: O) giao kết với ông Nguyễn Anh G đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 ngày bên vay ký, xác nhận 18/08/2022 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng).

Theo nội dung Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 nêu trên thì các bên thỏa thuận O cho ông Nguyễn A vay bằng 02 hình thức bao gồm: Hình thức cho vay thứ nhất là hình thức cho vay giải ngân vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O và hình thức cho vay thứ hai là hình thức cho vay phát hành thẻ tín dụng, ngoài ra phía O còn cho ông Nguyễn A vay một số tiền để mua bảo hiểm. Cho đến nay ông Nguyễn A đã trả toàn bộ số tiền vay mua bảo hiểm tín dụng nên O không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay này. Đối với số tiền vay phát sinh từ hình thức cho vay là phát hành thẻ tín dụng thì O chưa thu thập được đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Nay O yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay phát sinh từ hình thức vay **chuyển khoản vào số** tài khoản số 0120100015873009 tại ngân hàng O đứng tên chủ tài khoản là ông Nguyễn A theo thỏa thuận được ghi nhận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 cụ thể như sau:

Theo nội dung hợp đồng tín dụng ghi nhận thì hình thức cho vay giải ngân vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O có số tiền vay là **50.000.000 đồng**, thời gian vay là 36 tháng, lãi suất 33%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi suất trên lãi trong hạn chậm trả 10%/năm, trả nợ theo hình thức trả góp mỗi kỳ (mỗi tháng), cụ thể kỳ đầu trả 2.020.000đ, kể từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 35 là 2.503.000đ, kỳ 36 trả 2.517.645đ, ngày trả nợ là ngày **10** hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 20/8/2022 O đã giải ngân toàn bộ số tiền vay **50.000.000 đồng cho ông Nguyễn A bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O.**

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Kể từ khi nhận tiền vay và chuyển phí bảo hiểm theo thỏa thuận thì ông Nguyễn A đã trả được tổng số tiền là 34.232.000 đồng, trong đó bao gồm: 21.874.755đ tiền nợ phát sinh từ hình thức cho vay giải ngân vào số tài khoản và 6.750.000đ tiền vay để trả phí bảo hiểm; 5.607.245đ tiền lãi phát sinh từ số tiền vay bằng hình thức giải ngân vào thẻ và vay để trả bảo hiểm.

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Nguyễn A còn nợ O số tiền vay phát sinh từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 theo **hình thức vay chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O** là 79.337.618đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm mười tám đồng) trong đó

bao gồm: 28.125.245 đồng tiền nợ gốc, 27.301.449đ tiền lãi trong hạn, 18.971.606đ lãi quá hạn, 4.939.318đ lãi trên lãi trong hạn quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông A, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng số tiền vay phát sinh từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 theo hình thức chuyển khoản tính đến ngày 29/9/2025 là 79.337.618đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm mười tám đồng). Ngoài ra ông Nguyễn A còn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ số tiền nợ theo hình thức vay nêu trên, kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định đối với hình thức vay nêu trên tại các Hợp đồng tín dụng và bản điều khoản đã giao kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hoà giải ngày 25/3/2025 bị đơn ông Nguyễn A, trình bày: Ông Nguyễn A và Ngân hàng thương mại cổ phần P ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 để vay vốn, chi tiết như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để mua hàng hóa/Dịch vụ, thời hạn vay 36 kỳ, lãi suất cho vay 33%/năm, lãi suất trên dư nợ gốc quá hạn Bằng 150% lãi suất vaylãi suất trên lãi chậm trả 10% năm.

Thực hiện Hợp đồng, O đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông A theo đúng nội dung tại Hợp đồng tín dụng O và ông A thỏa thuận ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do việc làm ăn không thuận lợi nên ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên. Tính đến ngày 21/03/2025, tổng nghĩa vụ nợ của ông Nguyễn A tại O phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết với O là 75.255.902 đồng (trong đó: gốc là 33.095.245 đồng, lãi trong hạn là 26.646.140 đồng, lãi suất trên dư nợ gốc quá hạn 11.728.174 đồng (Ngày quá hạn từ ngày 10/12/2022), lãi suất trên lãi trong hạn chậm trả 3.786.343 đồng)

Nay ông A chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 33.095.245 đồng còn số tiền nợ lãi thì cho ông A xin thời gian, thương lượng với nguyên đơn và sẽ trả lời Toà sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần P khởi kiện ông Nguyễn A trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa

thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 được ông anh ký ngày 18/8/2022; Bị đơn ông Nguyễn A có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai, nhưng tại phiên tòa ông A vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Qua trình giao kết, thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 ngày bên vay ký, xác nhận 18/08/2022, bản Điều khoản và Điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tại khối khách hàng đại chúng của O, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định ông Nguyễn A có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần P theo hình thức vay **chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O** là 50.000.000 đồng.

Kể từ khi nhận tiền vay thì ông Nguyễn A đã trả được tổng số tiền là 34.232.000 đồng, trong đó bao gồm: 21.874.755đ tiền nợ phát sinh từ hình thức cho vay giải ngân vào số tài khoản và 6.750.000đ tiền vay để trả phí bảo hiểm; 5.607.245đ tiền lãi phát sinh từ số tiền vay bằng hình thức giải ngân vào thẻ và vay để trả bảo hiểm.

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Nguyễn A còn nợ O số tiền vay phát sinh từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 theo **hình thức vay chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O** là 79.337.618đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm mười tám đồng) trong đó bao gồm: 28.125.245 đồng tiền nợ gốc, 27.301.449đ tiền lãi trong hạn, 18.971.606đ lãi quá hạn, 4.939.318đ lãi trên lãi trong hạn quá hạn.

Phần xác định nợ gốc nêu trên của nguyên đơn phù hợp với phần trình bày của bị đơn ông Nguyễn A và nội dung bảng kê lịch sử thanh toán theo tháng do nguyên đơn cung cấp, cụ thể: Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2025 ông Nguyễn A xác nhận ông A còn nợ O số tiền nợ gốc là 33.095.245 đồng; Theo nội dung xác nhận của nguyên đơn và nội dung bản kê lịch sử thanh toán theo tháng thì số tiền nợ gốc tại thời điểm ngày 25/3/2025 mà ông A còn nợ O là 33.095.245 đồng, sau đó vào các ngày 19/9/2025, 20/9/2025 ông A đã trả thêm được tổng số tiền nợ gốc là 4.970.000 đồng và số tiền nợ gốc còn lại là 33.095.245đ – 4.970.000đ = 28.125.245 đồng. Vì vậy, nay O yêu cầu ông Nguyễn A tổng số tiền nợ gốc 28.125.245 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông A trình bày, ông A chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 33.095.245 đồng còn số tiền nợ lãi thì

cho ông A xin thời gian, thương lượng với nguyên đơn và sẽ trả lời Toà sau. Tuy nhiên, cho đến nay ông A và O vẫn chưa thống nhất, thoả thuận được về việc giải quyết đối với số tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định bị đơn còn nợ tiền gốc như trên. Đối với tiền lãi thì theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 ngày bên vay ký, xác nhận 18/08/2022 thì lãi suất trong hạn là 33%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất trên lãi trong hạn chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trả lãi phát sinh của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày, ngoài số tiền nợ phát sinh từ hình thức cho vay **chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O mà nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này thì căn cứ** nội dung Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 O còn cho ông Nguyễn A vay tiền bằng hình thức phát hành thẻ tín dụng và cho vay tiền mặt để mua bảo hiểm. Tuy nhiên, số tiền vay mua bảo hiểm ông Nguyễn A đã trả xong, còn đối với số tiền nợ phát sinh từ hình thức cho vay là phát hành thẻ tín dụng thì O chưa thu thập được đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay này nên không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, **không xem xét, giải quyết đối với số tiền nợ phát sinh từ** hình thức vay phát hành thẻ tín dụng và cho vay tiền mặt để mua bảo hiểm. Chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền nợ phát sinh từ hình thức cho vay **chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn A tại O.**

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của O được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Nguyễn A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 79.337.618 đồng x 5% = 3.966.881 đồng, tính tròn 3.966.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn A.

Buộc ông Nguyễn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền **79.337.618đ (bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm mười tám đồng)** trong đó bao gồm: **28.125.245 đồng tiền nợ gốc, 27.301.449đ tiền lãi trong hạn, 18.971.606đ lãi quá hạn, 4.939.318đ lãi trên lãi trong hạn quá hạn.**

Ngoài ra ông Nguyễn A còn phải có nghĩa vụ trả khoản lãi phát sinh, kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số BCDCB00001383770 O và các văn bản thỏa thuận đã giao kết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn A phải nộp số tiền 3.966.800đ (Ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 1.777.884đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000544 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh B (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025) nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Nhưng người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Tiến